

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019/HS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tiến**

Ông Trần Xuân Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Anh** -Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 209/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199 /2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn A- Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nam

Sinh ngày 29/08/1985, nơi sinh: Tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ĐKNKHTT: Tổ 7, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12;

Họ và tên cha: Vũ Văn K (đã chết)

Họ tên mẹ: Lê Thị L, sinh năm 1955.

Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất.

Có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1987.

Có hai con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007

Tiền sự: chưa có;

Tiền án: Ngày 15/9/2004, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội “ Cướp tài sản”, đến ngày 30/3/2005 chấp hành xong hình phạt tù, về địa pA. Đến nay chưa thi hành phần án phí hình sự trong vụ án.

Nhân thân: ngày 24/4/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đến ngày 23/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù, về địa pA. Ngày 19/5/2016 thi hành xong án phí hình sự trong vụ án.

Bị bắt ngày 16/4/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh.

* Người tham gia tố tụng khác:

1. *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: thôn Tân Thành, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976, trú tại: tổ 4, khu 1, phường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1989, trú tại: tổ 10, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình Tuấn, sinh năm 1979, trú tại: tổ 7, khu 5, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 14/4/2019, Vũ Văn A đi đến chợ cột 5, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh với mục đích xem ai có gì sơ hở thì trộm cắp. Khi đến quầy chả mực TA M, A phát hiện ra chị Nguyễn Thị T đang làm việc tại đây có để một chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ bên trên thùng xộp ở bên cạnh. A nảy sinh ý định trộm cắp nên đã cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi đi về phía chợ cột 8, phường H1, thành phố H. Trên đường đi, A đã tháo sim điện thoại rút đi và bán cho một người không quen biết với giá 500.000đồng ở một quán nước thuộc tổ 1, khu 7, phường H1, thành phố H. A đã ăn tiêu hết số tiền trên. Ngày 15/4/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn trình báo gửi công an phường H1, sau khi xem trích xuất camera và biên bản nhận dạng qua ảnh, chị Nguyễn Thị T cùng anh Lê Văn T1, chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị A đã xác định Vũ Văn A là người trộm cắp chiếc điện thoại trên. Đến ngày 16/4/2019 Vũ Văn A bị Cơ quan điều tra, Công an thành phố H bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KLĐG ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ trị giá 2.961.000đồng.

Tại Cáo trạng số160/CT-VKSHL ngày 10/06/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Văn A về tội “Trộm cắp

tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự; đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn A từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính ngày từ ngày bị bắt 16/4/2019.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: chiếc điện thoại không thu hồi được, người bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.961.000đ (*Hai triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*), bị cáo đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của chị Trang và không có ý kiến gì nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trang số tiền này. Truy thu của bị cáo số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền do phạm tội mà có.

Trong quá trình điều tra và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, cùng công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Nguyễn Thị T có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, vị trí để chiếc điện thoại và đặc điểm chiếc điện thoại mà chị Trang bị mất.

Người làm chứng anh chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị A, Lê Văn T1, Nguyễn Đình Tuấn có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo và bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, qua khai nhận của các bị cáo, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 14/4/2019, tại quầy bán chả mực TA M, chợ cột 5, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Văn A có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động Oppo A3S màu đỏ, trị giá 2.961.000đ (*Hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thị T.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu chính đáng và hợp pháp về tài sản của bị hại, là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Bị cáo là những người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, biết và nhận thức được tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến đều bị nghiêm cấm và nghiêm trị, nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, tham lam, tư lợi và mong muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo đã phạm tội. Bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý, trông giữ tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện coi thường tài sản của tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa pA. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo đã có tiền án về tội “*Cướp tài sản*” chưa được xóa án tích, lần này phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội i một thời gian nhất định để c cải tạo, giáo dục mình cho tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: chiếc điện thoại di động bị cáo đã bán cho một người không quen biết nên không thu hồi được. Người bị hại là chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.961.000đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*) và không có thêm đề nghị gì khác. Bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường này và không có ý kiến gì. Yêu cầu của chị Trang là hợp lý nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trang số tiền 2.961.000đ (*Hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) bị cáo bán điện thoại của chị Trang sau đó ăn tiêu hết là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Văn A** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn A** 12(mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 16/4/2019.

Áp dụng: Điểm b, khoản 1, Điều 47; khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điểm b, khoản 2, Điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.961.000đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án

Truy thu số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) của bị cáo do phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Hạ Long;
- CQCSĐT CA TP Hạ Long;
- THADS TP Hạ Long;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS; Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Yến